

Bản án số: 23/2022/HNGĐ - ST
Ngày 06-9-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Kim Dung.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Quốc H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Ngô Quốc H kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2002 tại Ủy ban

nhân dân xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mãi chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng đánh, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ngô Quốc H.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Quốc H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị T đã trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời, vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng dần một phai nhạt dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh H xác định mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra là thực tế nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T, anh H cùng xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Ngô Văn Tr, sinh ngày 06/10/2003; cháu Ngô Thị G, sinh ngày 02/9/2008 và cháu Ngô Phan A, sinh ngày 02/7/2015. Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành, lao động tự lập được nên anh, chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Còn cháu G và cháu A đều đang ở với chị T. Tuy nhiên anh chị không thỏa thuận được về việc nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án cả chị T và anh H đều xin được nuôi cả hai cháu G, A và không yêu cầu bên kia đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị T, anh H thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị T, anh H thống nhất không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không sửa đổi, bổ sung gì. Anh H xin thay đổi quan điểm: Về vấn đề quan hệ hôn nhân anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T không còn nên anh nhất trí thuận tình ly hôn; về con chung anh H xin được nuôi cháu A, giao cho chị T nuôi cháu G, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, còn các vấn đề khác anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị T xử: Thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Quốc H. Về con chung: Giao cả hai cháu Ngô Thị G, sinh ngày 02/9/2008 và cháu Ngô Phan A, sinh ngày 02/7/2015 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được, anh H không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị T. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T xin chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Quốc H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H mãi chơi, không quan tâm đến gia đình, bên cạnh đó vợ chồng không tin tưởng nhau mà hay nghi ngờ nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Tại phiên tòa, cả chị T và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng nhất trí thuận tình ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh H thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị T và anh H có 03 con chung là Ngô Văn Tr, sinh ngày 06/10/2003, Ngô Thị G, sinh ngày 02/9/2008 và Ngô Phan A, sinh ngày 02/7/2015.

Hiện nay cháu Tr đã đủ 18 tuổi và lao động tự lập được, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu G và cháu A chưa đủ 18 tuổi song anh chị không thống nhất được về việc nuôi dưỡng. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như cần phải tôn trọng nguyện vọng của con. Xét thấy hiện nay chị T có thu nhập ổn định, có xác nhận của chính quyền địa phương, nguyện vọng của cháu G và cháu A đều tha thiết xin được ở với mẹ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu G và cháu A, anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị T, anh H cùng thống nhất xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị T và anh H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu một nửa án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Quốc H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị G, sinh ngày 02/9/2008 và cháu Ngô Phan A, sinh ngày 02/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị T và anh Ngô Quốc H mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện

của chị T, chuyển số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000151 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thành án phí ly hôn anh, chị phải chịu. (Chị T, anh H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Đồng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

